

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 37/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1995

THÔNG TƯ

BỘ TÀI CHÍNH SỐ 37/TC-TCĐN NGÀY 10/5/1995
HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI
CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH TẠI VIỆT NAM KHÔNG THUỘC CÁC HÌNH THỨC
ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM.

- Căn cứ vào các Luật thuế, Pháp lệnh về thuế hiện hành;
- Căn cứ vào các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;
- Căn cứ vào Nghị định số 178 CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động kinh doanh tại Việt nam mà không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Các nghĩa vụ thuế hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với tất cả các tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động kinh doanh tại Việt nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam, với tư cách là nhà thầu cho các tổ chức và cá nhân Việt nam, hoặc với tư cách là nhà thầu phụ cho các nhà thầu.

Thông tư này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Các tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài có thu nhập tiền bản quyền theo quy định tại Pháp lệnh chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt nam ngày 05/12/1988 và Điều lệ mua bán li - xăng ban hành kèm theo Nghị định số 201 HĐBT ngày 28/12/1988 của Chính phủ, có nghĩa

vụ nộp thuế thu nhập tiền bản quyền theo hướng dẫn tại Thông tư số 08 TC/TCT ngày 05/02/1994 của Bộ Tài chính.

- Các nhà thầu dầu khí ký kết các hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt nam theo qui định tại điểm 8 Điều 3 Luật dầu khí.

- Các cá nhân nước ngoài vào Việt nam làm việc trên cơ sở hợp đồng ký với các tổ chức, cá nhân Việt nam hoặc do các tổ chức cá nhân nước ngoài cử đến làm việc tại Việt nam, được trả lương, tiền công. Các đối tượng này có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

- Các hợp đồng thương mại thuần túy giữa bên mua Việt nam và bên bán nước ngoài.

2. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Nhà thầu" là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động kinh doanh hay cung cấp dịch vụ tại Việt nam trên cơ sở các hợp đồng (không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam) được ký giữa họ với tổ chức hoặc cá nhân Việt nam (dưới đây gọi tắt là bên Việt nam ký kết hợp đồng).

Thuật ngữ "Nhà thầu" cũng bao gồm cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp các "dịch vụ dầu khí" theo Luật dầu khí.

- Thuật ngữ "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân tiến hành cung cấp các dịch vụ cho Nhà thầu hoặc thực hiện một phần công việc của Nhà thầu.

- Thuật ngữ "Bên Việt nam ký kết hợp đồng" bao gồm:

- . Các tổ chức, pháp nhân được thành lập theo Luật pháp Việt nam;

- . Các công ty liên doanh, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài và các bên hợp doanh hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam;

- . Các Nhà thầu dầu khí ký kết các "hợp đồng dầu khí" theo Luật Dầu khí:

- . Các Ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt nam do Ngân hàng Nhà nước Việt nam cấp giấy phép;

- . Các chi nhánh công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam ;

- . Các tổ chức nước ngoài đặt tại Việt nam.

. Cá nhân Việt nam.

- "Hợp đồng nhà thầu" là hợp đồng được ký kết giữa Nhà thầu với bên Việt nam ký kết hợp đồng.

- "Hợp đồng nhà thầu phụ" là hợp đồng được ký giữa Nhà thầu phụ với Nhà thầu.

3. Trường hợp Nhà nước hoặc Chính phủ Việt nam tham gia ký kết một Điều ước quốc tế hoặc ký một Hiệp định hay cam kết với các tổ chức hay Nhà nước, Chính phủ nước khác mà trong văn bản đó có quy định khác liên quan đến các vấn đề quy định tại Thông tư này thì áp dụng theo các quy định của Điều ước, Hiệp định hay cam kết đó.

II. CÁC LOẠI THUẾ ÁP DỤNG

1. Thuế doanh thu:

Nhà thầu, Nhà thầu phụ có doanh thu từ các hoạt động tiến hành tại Việt nam phải nộp thuế doanh thu theo quy định của Luật thuế doanh thu.

1.1. Doanh thu tính thuế:

Doanh thu tính thuế là doanh thu mà Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ thu được từ các hoạt động tiến hành tại Việt nam, được xác định theo các nguyên tắc quy định tại Luật thuế doanh thu và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành Luật này.

- Trường hợp Nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu phụ để các Nhà thầu phụ thực hiện một phần công việc của Nhà thầu theo hợp đồng ký với Bên Việt nam ký hợp đồng thì doanh thu tính thuế của Nhà thầu không bao gồm phần giá trị hợp đồng do các Nhà thầu phụ thực hiện. Nhà thầu phụ có trách nhiệm nộp thuế trên toàn bộ giá trị hợp đồng ký với Nhà thầu chính. Tuy nhiên, Nhà thầu có trách nhiệm yêu cầu Nhà thầu phụ cung cấp một bản sao chứng từ đã nộp thuế của Nhà thầu phụ để xuất trình cho cơ quan thu thuế đối với Nhà thầu. Nếu không xuất trình được chứng từ nêu trên, Nhà thầu sẽ phải nộp thuế trên toàn bộ giá trị Hợp đồng Nhà thầu.

- Đối với các Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ thực hiện hợp đồng xây dựng có lắp đặt máy móc, thiết bị toàn bộ thì doanh thu tính thuế của hoạt động xây dựng không bao gồm giá trị máy móc thiết bị được lắp đặt.

- Nếu trong hợp đồng nhà thầu hoặc Hợp đồng nhà thầu phụ không chỉ rõ địa điểm mà các hoạt động kinh doanh hay dịch vụ của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ được thực hiện (tại Việt

nam hay ở nước ngoài) thì doanh thu tính thuế là toàn bộ doanh thu thu được theo hợp đồng.

- Trường hợp Nhà thầu cùng đứng tên (liên danh) với một tổ chức kinh tế hoặc cá nhân Việt nam để ký kết và thực hiện một Hợp đồng nhà thầu và doanh thu từ hợp đồng Nhà thầu được chia theo tỉ lệ phần trăm (%) cho các bên liên danh thì doanh thu tính thuế của Nhà thầu là phần doanh thu được chia cho Nhà thầu theo tỉ lệ nêu trên (doanh thu chưa trừ bất kể một khoản chi phí nào).

- Trường hợp Nhà thầu liên danh với tổ chức kinh tế hoặc cá nhân Việt nam để thực hiện Hợp đồng nhà thầu theo phương thức chia lợi nhuận hoặc chia doanh thu sau khi đã trừ chi phí thì doanh thu tính thuế của Nhà thầu được tính theo tỷ lệ chia thỏa thuận trong hợp đồng trên tổng doanh thu thu được do thực hiện hợp đồng.

1.2. Thuế suất thuế doanh thu:

Thuế suất thuế doanh thu được áp dụng đối với từng hoạt động kinh doanh hay dịch vụ theo Biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Nghị định số 55 CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định về thuế suất thuế doanh thu.

Riêng đối với các hoạt động dịch vụ dầu khí, căn cứ vào quy định tại Nghị định số 55 CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thuế suất thuế doanh thu như sau:

Hoạt động	Thuế suất
1 - Các định vụ cho thuê giàn khoan, tàu khoan, tàu địa chấn, máy bay, máy móc thiết bị, dụng cụ hoặc phương tiện khác (trừ các phương tiện cho thuê quy định tại điểm 10, mục VI, Biểu thuế doanh thu):	4%
2 - Các dịch vụ kỹ thuật: địa chấn, địa chất công trình, thử	2%
vía, bơm tráng xi măng, xử lý, tái xử lý minh giải tài liệu tại Việt nam:	1%
3 - Các dịch vụ cung cấp nước, lương thực, thực phẩm:	1%

4 - Các dịch vụ cung cấp vật tư, hoá phẩm: xi măng,	4%
dung	4%
dịch khoan, cần khoan, ống chống, choòng khoan:	4%
5 - Dịch vụ tư vấn, cố vấn, giám sát thi công, cung cấp lao động:	
6 - Dịch vụ bảo hiểm y tế:	
7 - Các dịch vụ dầu khí khác:	

2. Thuế lợi tức:

Lợi tức mà các Nhà thầu, Nhà thầu phụ thu được do thực hiện các Hợp đồng nhà thầu hoặc Hợp đồng nhà thầu phụ là đối tượng chịu thuế lợi tức theo Luật thuế lợi tức. Thuế suất thuế lợi tức quy định tại Điều 10 của Luật thuế lợi tức. Để thuận tiện cho việc thu và nộp thuế, Bộ Tài chính ấn định lợi tức chịu thuế bằng tỷ lệ (%) trên doanh thu thực hiện hợp đồng theo từng ngành nghề kinh doanh. Mức quy định cụ thể như sau:

Hoạt động	Lợi tức chịu thuế ấn định trên doanh thu (%)	Thuế suất thuế lợi tức theo Luật thuế lợi tức	Số thuế lợi tức phải nộp quy đổi trên doanh số (%)
1. Hoạt động thuộc các ngành có thuế suất thuế lợi tức 25%: Xây dựng, vận tải (không bao gồm hoạt động vận tải của các tàu biển nước ngoài là đối tượng nộp thuế cước quy định tại Thông tư số 85 TC/TCT ngày 24/10/1994 của Bộ Tài chính),.....	8%	25%	2%